

COVERED WARRANTS – TIẾP TỤC ĐÀ HỒI PHỤC

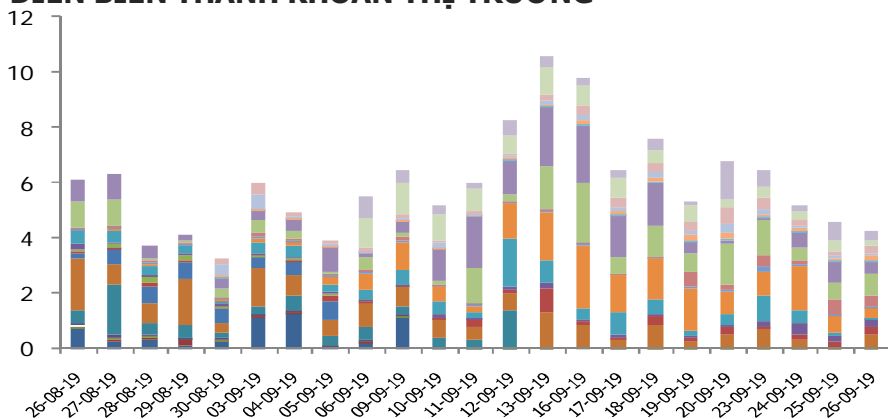
MBS Research | BẢN TIN COVERED WARRANTS | 26/09/2019



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

Số lượng mã CW	16
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	9
Phân bù rủi ro bình quân	18,15
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	12,72x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	27-11-2019

DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CFPT1904	■	■	■	■	■	4,6
CFPT1903	■	■	■	■	■	4,6
CMWG1903	■	■	■	■	■	4,4
CMWG1904	■	■	■	■	■	4
CMWG1902	■	■	■	■	■	3,6

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

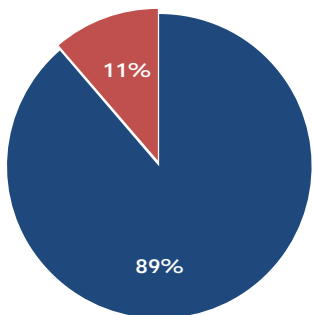
- Thị trường chứng quyền tiếp tục có sự phục hồi sang phiên thứ 2 liên tiếp khi phần lớn các cổ phiếu cơ sở đều tăng điểm. Độ rộng thị trường đã trở lại trạng thái tích cực cùng khối lượng đạt mức cao nhất trong 3 phiên vừa qua. Hôm nay cũng là ngày giao dịch cuối cùng của 2 mã CW là CFPT1902 và CHPG1904. Với giá chốt phiên này, mã CHPG1904 giảm tới 92,27% so với giá phát hành và nhà đầu tư phải cắt lỗ đối với mã này. Trong khi đó, mã CFPT1902 chốt phiên này tăng 223,42% so với giá phát hành (IPO) và nhà đầu tư sẽ thực hiện quyền đối với mã CW này, với giá bình quân tạm tính của cổ phiếu FPT trong 5 phiên vừa qua đạt 57.200 đồng/cp, nhà đầu tư sẽ có lãi nếu như mua CW với giá thấp hơn 12.291 đồng/1CW (chưa kể phí và thuế).
- Dừng lúc đóng cửa, đã có hơn 2,02 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 4,26 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW tăng 18,7% trong khi giá trị giao dịch giảm nhẹ 7,3%. Thanh khoản thị trường thấp hơn so với bình quân 5 phiên trước đó 0,6% về khối lượng và 25% về giá trị. Độ rộng thị trường được cải thiện đáng kể, đã có 9 mã tăng trong khi chỉ có 5 mã giảm giá và 2 mã giữ tham chiếu. Thanh khoản thị trường ở nhóm các mã CW có thời gian đáo hạn còn lại dưới 40 ngày chiếm 15% toàn thị trường. Trong khi đó, nhóm CW trung hạn (từ 70 -110 ngày) nhích nhẹ lên mức 45% từ 43% ở phiên ngày hôm qua và 40% còn lại thuộc về nhóm có thời gian đáo hạn từ 40 đến 70 ngày. Phiên này, tỷ lệ các mã tăng đạt trên 50% sang phiên thứ 2 liên tiếp, qua đó cắt mạch 6 phiên liên tiếp thị trường chỉ đạt mức bình quân 33,3% của các mã tăng. Các mã tăng thuộc nhóm 70 đến 110 ngày với tỷ lệ 87,5%, 50% thuộc nhóm dưới 40 ngày và 16,7% thuộc nhóm từ 40 đến 70 ngày. Tuy độ rộng thị trường được cải thiện nhưng thanh khoản các mã tăng và các mã giảm cũng chỉ ở mức tương đương, 45% tập trung ở các mã tăng và 39,2% tập trung ở các mã giảm.
- Như vậy, sau phiên hôm nay chỉ còn 14 mã CW niêm yết, các mã CW dựa theo cổ phiếu như: HPG, VIC, VRE và MSN đang bị bỏ lại phía sau. Sự trở lại của nhóm dẫn dắt như FPT, MWG và REE sẽ làm thị trường sôi động trong các phiên giao dịch sắp tới, các mã CW dựa theo cổ phiếu VNM và MBB cũng rất đáng chú ý.

KHUYẾN NGHỊ - MUA		CMWG1903
Cổ phiếu cơ sở	MWG	
Giá thực hiện	95000 đồng (ITM 24,6%)	
Tỷ lệ thực hiện	5:1	
Ngày giao dịch cuối cùng	24-12-2019	
Số ngày còn lại	91 ngày	

CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CMWG1903

Tiêu chí	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	3,05 lần
Độ nhạy	1,50
Hao mòn thời gian	0%
Độ biến động nội hàm	65,03%
Phần bù rủi ro	3,13%
Tổng điểm chất lượng	Tốt ★ ★ ★ ★ ★
Phù hợp	
Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)	✔
Nhà đầu tư trung dài hạn (>5 ngày)	✔

CẤU THÀNH GIÁ TRỊ



■ Giá trị nội tại (VND)
■ Giá trị thời gian (VND)

KHUYẾN NGHỊ CHỨNG QUYỀN

Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với chứng quyền CMWG1903, dựa trên những luận điểm sau:

- Trạng thái lãi của CW CMWG1903 hiện ở mức 24,6%. Đòn bẩy hiệu quả vẫn tương đối hấp dẫn, đạt 3,05 lần, với độ biến động nội hàm và phần bù rủi ro lần lượt ở mức 65,03% và 3,13% - tương đối thấp so với những chứng quyền còn lại giao dịch trên thị trường.
- Về kỹ thuật, cổ phiếu MWG tiếp tục duy trì đà tăng giá trong khi đó, các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu mua củng cố đà tăng của cổ phiếu.
- Về cơ bản, theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (FCFF), chúng tôi định giá cổ phiếu MWG với giá mục tiêu 1 năm là 148.200 đồng (tăng 17,6% so với giá ngày 26/09).

ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN

Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền
So sánh giá MWG và CMWG1903



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

MWG	2016	2017	2018	8T2019
Doanh thu (tỷ vnd)	44.613	66.340	86.516	68.855
Lãi ròng (tỷ vnd)	1.577	2.206	2.879	2.697
EPS (vnd)	10.246	6.958	6.491	
ROA()	14,3%	11,7%	11,3%	
ROE()	49,9%	45,2%	38,7%	
P/E (lần) (TTM EPS)	9,24	13,61	14,59	15,85
P/B (lần) (TTM BVPS)	3,80	5,08	4,68	5,33

CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động		Chỉ báo kỹ thuật		Hành động
Kỳ	SMA	EMA	RSI(14)	Buy
MA5	124,700	124,561	STOCH(9,6)	Buy
	Mua	Mua	Fear Greed	Buy
MA10	124,000	123,247	MACD(12,26)	Buy
	Mua	Mua	ADX(14)	Buy
MA20	120,175	121,211	Williams %R	Oversold
	Mua	Mua	CCI(14)	Buy
MA50	115,470	114,554	MAOs	Buy
	Mua	Mua	MAOs	Buy
MA100	102,929	106,865	Momentum	Buy
	Mua	Mua	Bollinger band	Buy
MA200	94,262	98,875	ROC	Buy
	Mua	Mua	PSAR	Buy

Buy: 12; Sell: 0;

Buy: 11; Sell: 00;

Summary: **BUY**Summary: **BUY**

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - MWG

- Động lực tăng trưởng chính đến từ chuỗi Điện Máy Xanh nhờ (i) thị trường điện máy khá quan do thu nhập dân cư cải thiện và tỷ lệ đô thị hóa ngày càng cao, (ii) chủ động thay đổi cách sắp xếp, bài trí nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động trong chuỗi
- Chuỗi BHX sẽ hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối (DC) vào cuối năm 2019, bắt đầu ghi nhận lãi từ 2020. Hiện tại, doanh thu bình quân/cửa hàng/tháng đạt 1,5 tỷ đồng. Việc duy trì chất lượng sản phẩm và hiệu quả trong việc lựa chọn cửa hàng mở mới tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh. Dự kiến đến cuối năm 2019, sẽ có khoảng hơn 700 cửa hàng trong chuỗi. Biên LN gộp cải thiện tốt, đạt ~19%.
- Mạng kinh doanh đồng hồ bước đầu ghi nhận kết quả tốt với doanh thu bình quân 800 triệu đồng/cửa hàng/tháng. Công ty dự kiến tiếp tục nhân rộng số cửa hàng kinh doanh đồng hồ cũng như thêm kinh thời trang trong tương lai.
- 8T2019, MWG ghi nhận 68.855 tỷ đồng DTT và 2.697 tỷ đồng LNST, tăng 17% và 37% so với cùng kỳ. Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (FCFF), chúng tôi định giá cổ phiếu MWG với giá mục tiêu 1 năm là 148.200 đồng (tăng 17,6% so với giá ngày 26/09).

ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - MWG

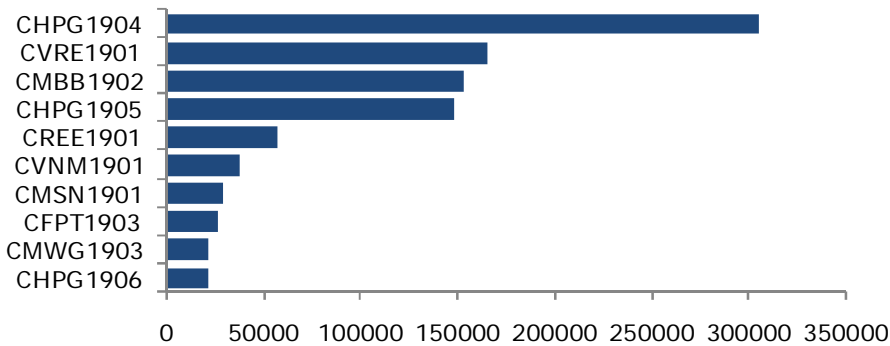
Đồ thị kỹ thuật cổ phiếu MWG
Duy trì đà tăng giá



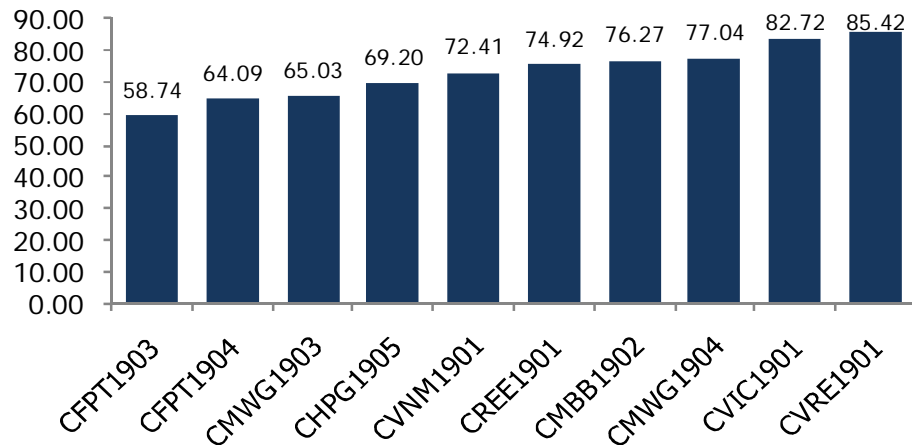
5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CVNM1901	6,02	37,50	46,67	-27,87
CMWG1904	1,25	7,09	0,05	108,76
CFPT1903	2,10	4,21	0,69	116,94
CMBB1902	2,86	2,86	3,15	30,43
CFPT1904	0,35	1,75	0,00	35,51

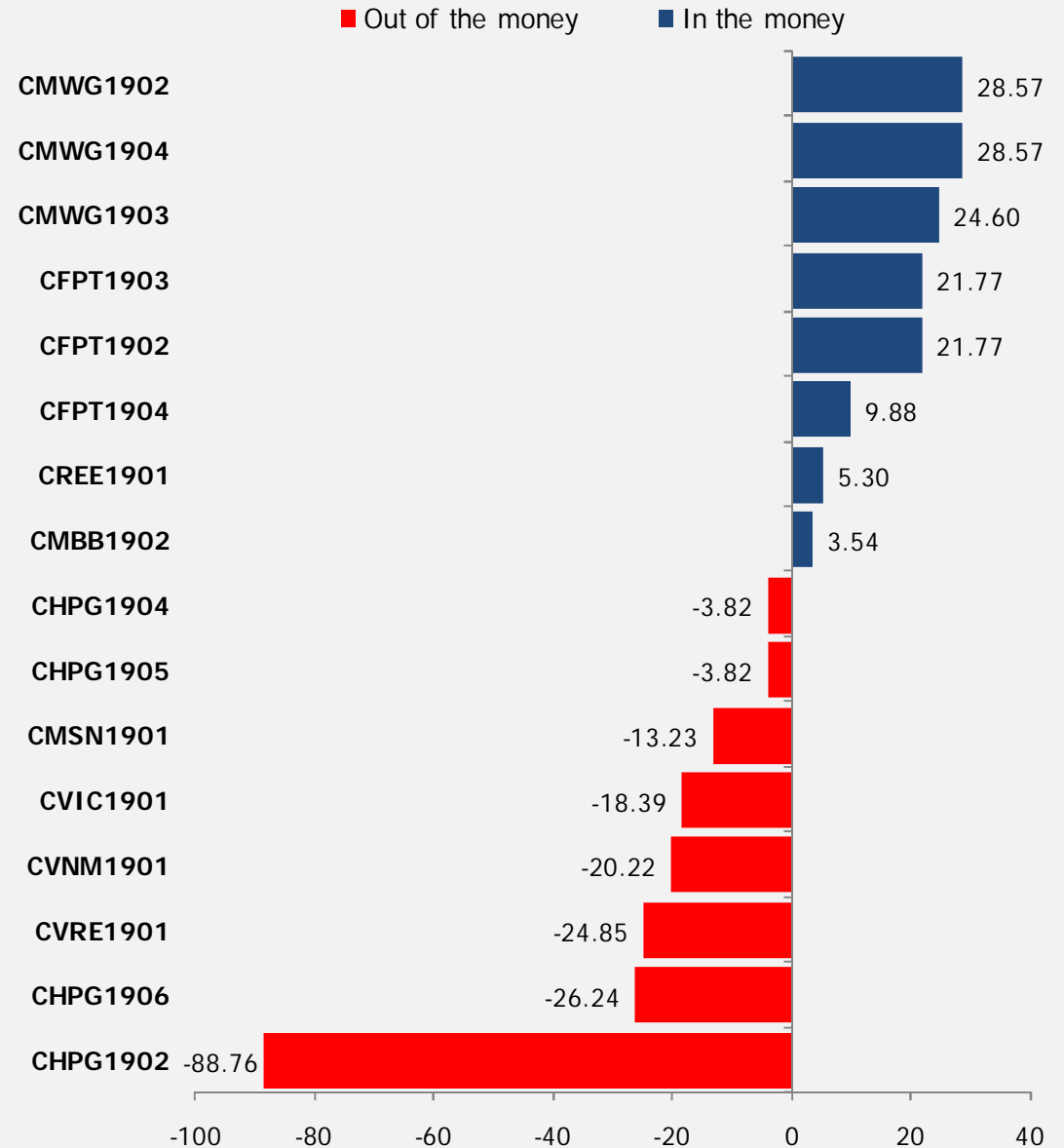
10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1902	SSI	FPT	0,98	45.140	26-9-19	57.700	0,52	12.290	4,15	12.801	21,77	#N/A N/A	#VALUE!	#VALUE!	#VALUE!	#N/A N/A	-0,87	2.240	0,03
2	CFPT1903	SSI	FPT	0,98	45.140	26-12-19	57.700	0,52	14.600	2,10	12.827	21,77	3,36	7,46	83,37	0,00	58,74	3,06	26.940	0,39
3	CFPT1904	MBS	FPT	3,00	52.000	15-11-19	57.700	0,52	2.900	0,35	1.976	9,88	4,69	1,61	70,72	-0,01	64,09	5,20	65.150	0,19
4	CHPG1902	KIS	HPG	5,00	41.999	9-12-19	22.250	1,60	290	-3,33	0	-88,76	3,63	0,00	23,64	-29138	135,53	95,28	59.190	0,02
5	CHPG1904	SSI	HPG	1,00	23.100	26-9-19	22.250	1,60	170	-15,0	-	-3,82	130,88	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	4,58	304.590	0,02
6	CHPG1905	SSI	HPG	1,00	23.100	26-12-19	22.250	1,60	2.770	1,47	977	-3,82	4,24	0,93	52,80	0	69,20	16,27	148.650	0,40
7	CHPG1906	KIS	HPG	2,00	28.088	12-11-19	22.250	1,60	570	-1,72	7	-26,24	5,70	0,01	29,21	-1,71	89,44	31,36	44.150	0,03
8	CMBB1902	HSC	MBB	0,93	20.185	13-12-19	22.600	2,03	3.600	2,86	1.188	3,54	3,83	1,01	61,04	-0,02	76,27	12,39	141.630	0,51
9	CMSN1901	KIS	MSN	5,00	88.888	12-11-19	78.500	-0,63	1.430	0,00	45	-13,23	4,71	0,03	42,86	-0,49	95,53	22,34	144.030	0,20
10	CMWG1902	VND	MWG	4,00	90.000	9-12-19	126.000	0,40	10.400	4,00	9.001	28,57	2,55	1,82	84,07	0,00	94,23	4,44	29.000	0,29

CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phần bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMWG1903	HSC	MWG	5,00	95.000	24-12-19	126.000	0,40	6.990	0,58	6.208	24,60	3,05	1,50	84,55	0,00	65,03	3,13	111.520	0,77
12	CMWG1904	SSI	MWG	1,00	90.000	26-12-19	126.000	0,40	40.500	1,25	36.009	28,57	2,66	7,59	85,37	0,00	77,04	3,57	11.150	0,45
13	CREE1901	MBS	REE	3,00	37.550	15-11-19	39.650	0,38	1.850	0,00	909	5,30	4,50	0,52	63,04	-0,01	74,92	8,70	174.050	0,32
14	CVIC1901	KIS	VIC	5,00	140.888	12-11-19	119.000	-0,58	1.410	-7,24	4	-18,39	5,78	0,00	34,25	-6,26	82,72	24,32	52.490	0,08
15	CVNM1901	KIS	VNM	9,84	156.285	11-12-19	130.000	2,85	880	6,02	4	-20,22	5,27	0,00	35,09	-2,55	72,41	26,88	370.030	0,32
16	CVRE1901	KIS	VRE	2,00	40.888	12-11-19	32.750	-2,24	800	-13,04	1	-24,85	5,94	0,00	29,03	-26,71	85,42	29,73	330.480	0,26

BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
Đòn bẩy hiệu quả (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
Độ nhạy (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
Hao mòn thời gian (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
Độ biến động nội hàm (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
Phần bù rủi ro (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
Giá trị nội tại (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện) * Tỷ lệ thực hiện, 0); Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS) * Tỷ lệ thực hiện, 0).
Giá trị thời gian (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian
Giá lý thuyết theo BS	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
Đòn bẩy hiệu quả (E)	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
Độ nhạy (S)	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
Hao mòn thời gian (T)	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
Độ biến động nội hàm (I)	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
Phần bù rủi ro (P)	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
Tổng điểm ngắn hạn	40%	40%	20%	0%	0%
Tổng điểm trung – dài hạn	10%	10%	35%	10%	35%
Tổng điểm chất lượng	20%	20%	20%	20%	20%

3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
Tổng điểm ngắn hạn	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
Tổng điểm trung – dài hạn	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
Tổng điểm chất lượng	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	hung.ngoquoc@mbs.com.vn
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	hop.nguyenhoa@mbs.com.vn
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	ha.nguyenthihai@mbs.com.vn